

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HS-ST
Ngày 25- 6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Nha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đợi và bà Trịnh Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5- Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2026/TLST- HS, ngày 29 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi, đối với bị cáo:

1. Họ và tên bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/01/1986 (tên gọi khác: N); nơi sinh: Tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nông; nơi cư trú: Thôn A, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị P; vợ: không; có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 15/12/2024, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an xã N (Nay là Công an xã V, tỉnh Quảng Ngãi) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 23/12/2024, bằng tiền, mức phạt: 1.500.000 đồng và đã nộp phạt vào ngày 10/01/2025.

Nhân thân:

- Ngày 08/6/2010, Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp (cũ), thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 134/2010/HSST, chấp hành xong ngày 07/8/2012.

- Ngày 18/4/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (cũ) xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/2014/HSST; ngày 09/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa (cũ), tỉnh Quảng Ngãi xử

phạt 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 35/2014/HSST. Chấp hành xong ngày 25/8/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 26/9/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Phạm Ngọc T2, sinh ngày 19/6/2000; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm T3, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Tấn S, sinh năm 1996; cư trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1985; cư trú tại thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Phạm Việt S1, sinh năm 1994, cư trú tại thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Ông Trần Quốc V1, sinh năm 1987 – Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Q. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 18/5/2025, Nguyễn Văn T một mình điều khiển xe máy đến nhà Lê Tấn S chơi thì gặp Nguyễn Công V. Sau đó, cả nhóm rủ nhau đến quán thịt chó của ông K gần UBND xã H (nay là UBND xã Đ) thuộc thôn H, xã Đ để nhậu, rủ thêm Nguyễn Phạm Việt S1 và Phạm Ngọc T2. Trong lúc đang ngồi nhậu thì S có hỏi mượn xe máy biển kiểm soát 76M1-120.77 của T2 để đi lấy xe máy và S điều khiển xe máy của T2 chở T đi. Vì xe của S chưa sửa nên S và T đẩy xe máy của S đến tiệm sửa xe máy ở khu vực gần UBND xã N cũ (nay thuộc xã V, tỉnh Quảng Ngãi) để sửa. Sau đó, S nhờ Tuy chở đến xã H, huyện N (nay là xã N, tỉnh Quảng Ngãi) để thế chấp điện thoại nhưng không được nên S và T đã về lại tiệm sửa xe máy trước đó. Lúc này, V, S1 và T2 nhậu xong nhưng không có tiền trả nên đã để xe máy của T lại tại quán của ông K rồi đi đến nhà của S. Trong lúc đó, S mang điện thoại thế chấp và mua ma túy, rồi cùng T quay về nhà S để lấy dụng cụ chơi ma túy. Sau đó, V, S1, T2, S và T cùng nhau tập trung tại khu vực nghĩa địa có mã hai tầng ở xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là xã V, tỉnh Quảng Ngãi). Các đối tượng đã cùng nhau sử dụng ma túy.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T hỏi mượn xe máy của T2 để đi công việc, còn S và S1 cùng nhau đi thế chấp xe máy để tiếp tục mua ma túy. Sau khi S1 và S quay về lại mã hai tầng thì T bảo S1 điều khiển xe của S1 chở T đến quán của ông K để lấy xe máy. Sau đó, T2, S và V bàn tính về xã H (nay là xã Đ) nhưng do T cầm chìa khoá xe của T2 nên đã nhờ V và S đẩy xe đi. Trên đường đi, S hẹn S1 gặp nhau tại cầu Máng thuộc thôn H, xã H (nay là xã Đ). Khi T2, S và V đến cầu Máng đợi được một lúc thì S1 và T đến và T đã trả chìa khoá xe máy cho T2. Tại đây, cả nhóm tiếp tục sử dụng chất ma túy.

Sau khi sử dụng ma túy xong, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của T2 để thế chấp lấy tiền mua ma túy và tiêu xài nên giả vờ hỏi mượn xe của T2 để đi công việc thì T2 đồng ý cho mượn. Tuy điều khiển xe của T2 đến nhà của Trần Quốc V1 để thế chấp. Sau khi thế chấp xe xong, Tuy đón taxi quay lại tìm nhóm của mình. Khi đi đến cầu B thuộc xã H (nay là xã Đ) thì gặp V và S đến. Vì T không có tài khoản nên bảo V1 chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của V với số tiền 2.500.000 đồng và nhờ V1 chuyển tiền trả taxi. S, T, V đến chuộc lại điện thoại của S với số tiền 400.000 đồng, rồi S, T, V về lại khu vực nghĩa địa chơi game; còn T2 ở cầu Máng chờ và đi tìm nhóm của T.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, S điện thoại cho T2 đến khu vực nghĩa địa. Tại đây, T2 hỏi T “*Xe máy của em đâu*” thì T nói “*xe để dưới kia sáng anh xuống lấy cho*”. Sau đó, T rủ tiếp tục chơi ma túy nhưng không có dụng cụ để sử dụng nên bảo S và V về nhà lấy. Tuy và T2 chờ khoảng một lúc nhưng S, V không đến nên T điều khiển xe máy chở T2 đến cầu Đ thuộc thôn B, xã V, tỉnh Quảng Ngãi để tìm dụng cụ nhưng không có. Tuy điện thoại cho S và V yêu cầu mang dụng cụ đến để sử dụng ma túy nhưng V nói không có xe. Tuy hỏi Vũ chỗ cất giấu dụng cụ sử dụng ma túy thì V nói ở cầu Máng, T điều khiển xe máy đến cầu Máng để lấy nôi thì gặp S và V đang đi bộ đến cầu Máng. Sau đó, T, V và S thống nhất sử dụng ma túy tại cầu Máng nên S đã điều khiển xe máy của T đi chở T2 đến cầu Máng. Các đối tượng T, S và V sử dụng ma túy và sử dụng tiền mà T đã thế chấp xe máy của T2 để chơi game. Đến khoảng 3 giờ sáng 19/5/2025 thì V và S đi bộ về nhà. Còn T2 yêu cầu T chở T2 đi lấy xe máy của T2. Tuy chở T2 đi xuống thị trấn S cũ (nay là xã V) vào quán cà phê thì T bảo T2 chờ để T đi lấy xe, nhưng thực tế Tuy không đi lấy xe mà bỏ đi. Toán không thấy T mang xe máy đến trả nên đã điện thoại cho người thân đến chờ tìm Tuy nhưng không gặp. Sau nhiều lần đến nhà T thì T2 biết được T đã thế chấp xe máy cho Trần Quốc V1 nên gia đình đã chuộc lại xe máy 76M1-120.77 với tổng số tiền là 4.700.000 đồng.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-KV5, ngày 27/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5- Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Về dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường 4.700.000 đồng cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác, nên không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vậy có đủ cơ sở xác định: Với mục đích muốn chiếm đoạt tài sản để cầm cố có tiền mua ma túy sử dụng và nạp tiền chơi game nên vào tối ngày 18/5/2025, Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối giả vờ hỏi mượn xe máy của Phạm Ngọc T2 để đi công việc riêng, nhưng thực tế sau khi được T2 giao xe máy biển số 76M1-120.77 cho Tuy thì T mang xe máy đến cầm cố cho Trần Quốc V1 để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 19/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện N (cũ), kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 76M1 – 120.77, nhãn hiệu Honda, số loại

Vision, màu đỏ, số khung 5819GY240088, số máy JF66E0240150 Tuy chiếm đoạt có trị giá 17.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo cùng với gia đình bị cáo đã bồi thường hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xét xử đối với bị cáo.

[4.2] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T đã từng bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt, đã được xóa án tích, nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân không tốt, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, không chịu rèn luyện cải tạo bản thân mà vì muốn có tiền để phục vụ các nhu cầu không chính đáng của bản thân nên vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Đối với Lê Tấn S, Nguyễn Công V và Nguyễn Phạm Việt S1: Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập làm việc đối với Lê Tấn S và Nguyễn Công V, nhưng các đối tượng vắng mặt tại địa phương. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên tòa bị cáo khai việc bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của T2 là bộc phát, không có bàn bạc, thống nhất từ trước với S, V và S1; cũng không nói cho những người nêu trên biết về nguồn gốc ma túy và tiền dùng để chơi game. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét xử lý sự đối với S, V, S1 với vai trò đồng phạm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cũng không phạm vào tội “*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

[7] Quá trình điều tra xác định Trần Quốc V1 không bàn bạc, giúp sức, không hứa hẹn trước việc tiêu thụ tài sản do Tuy chiếm đoạt mà có, đồng thời khi nhận cầm cố V1 không biết T chiếm đoạt chiếc xe máy của T2. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q không xem xét xử lý Trần Quốc V1 về hành vi đồng phạm và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định.

[8] Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc T2, Nguyễn Phạm Việt S1 đã khai nhận cùng tham gia sử dụng trái phép chất ma túy tại xã V và xã Đ vào ngày 18/5/2025 cùng với Lê Tấn S và Nguyễn Công V. Tuy nhiên, việc các đối tượng sử dụng ma túy không bị phát hiện quả tang. Ngày 25/8/2025, quá trình làm việc Tuy mới khai nhận hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nêu trên. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được chất ma túy, công cụ, phương tiện sử dụng chất ma túy và không đủ điều kiện giám định chất ma túy trong cơ thể của các đối tượng đã sử dụng ma túy vào ngày 18/5/2025. Toàn bộ nội dung liên quan đến việc sử dụng chất ma túy chỉ dựa trên lời khai của các đối tượng mà không có chứng cứ vật chất nào khác. Vì vậy, Cơ quan điều tra xét thấy chưa đủ căn cứ pháp lý để xem xét, xử lý hành vi của các đối tượng về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự; khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau là phù hợp quy định, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Trong quá trình điều tra, T khai nhận việc thế chấp xe máy chiếm đoạt được để lấy 1.000.000 đồng chất ma túy, lấy tiền mặt 500.000 đồng tại nhà của V1 và T yêu cầu V1 chuyển qua tài khoản của Nguyễn Công V số tiền 2.500.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra không tạm giữ được tang vật, phương tiện liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, V1 không thừa nhận việc bán ma túy cho T vào ngày 18/5/2025. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập tài liệu có liên quan, nhưng chưa đủ căn cứ để chứng minh hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Quốc V1. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xem xét, xử lý đối với Trần Quốc V1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 251 BLHS; khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau là phù hợp quy định.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76M1 – 120.77 nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản

1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: N) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Nhỏ) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- CQTHAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Vệ Giang, tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Nha